

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29/3/2023

*“V/v: Không công nhận
quan hệ vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Tòng và bà Trương Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 293/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, về *“Không công nhận là vợ chồng”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Đèo N, xã Kim B, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị La Thị H, sinh năm 1981.

ĐKKHKT: Thôn Đèo N, xã Kim B, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Thôn Đèo L, xã Kim B, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:* Anh và chị La Thị H qua tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, cả hai không đăng ký kết hôn nhưng vẫn tổ chức đám cưới theo đúng phong tục tập quán địa phương. Sau khi tổ chức đám cưới anh và chị H sống tại địa chỉ thôn Đèo N, xã Kim B, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu tình cảm giữa anh và chị H rất tốt, tuy nhiên đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai làm ăn thua

lỗ, nợ nhiều dẫn đến cãi chửi nhau. Sau đó anh và chị H bàn bạc để chị H đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh nhằm cải thiện kinh tế cho gia đình. Thời gian đầu chị H vẫn về thăm và gửi tiền về cho gia đình. Đến khoảng năm 2018-2019 thì 2-3 tháng chị H mới về nhà 1 lần, số tiền gửi về hỗ trợ kinh tế gia đình cũng ít dần. Từ khoảng năm 2020 đến nay, chị H không về nhà để chung sống cùng gia đình nữa, chị cũng không đến thăm các con. Nhận thấy chị H dần không còn tình cảm với anh và các con, anh đã nhiều lần nói chuyện nhằm khuyên bảo chị H nhưng chị H bày tỏ quan điểm chỉ chấp nhận sống chung, nhưng không phát sinh quan hệ tình cảm, cuộc sống của ai thì người đó tự lo. Gia đình hai bên biết và đã khuyên bảo nhằm hàn gắn quan hệ tình cảm giữa anh và chị H nhưng không được. Anh và chị H bắt đầu sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết, không công nhận anh và chị La Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 người con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 23/9/1998 và Nguyễn Thị P, sinh ngày 28/9/2001. Hiện con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức và lao động bình thường, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị La Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L lấy nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương vào đầu năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, chị đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, thi thoảng về nhà, ít có quan hệ tình cảm vợ chồng, anh L chửi, bốp cổ chị vì nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Vợ chồng chị không hòa thuận được, chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế, nhưng thỉnh thoảng chị vẫn về thăm các con. Nay anh L đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L có 02 người con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 23/9/1998 và Nguyễn Thị P, sinh ngày 28/9/2001, do con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Kim B, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang được biết: Anh Nguyễn Văn L có đăng ký hộ khẩu thường

trú tại thôn Đèo N, xã Kim B, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Về quan hệ hôn nhân: Qua tra cứu sổ Đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn hàng năm thì xác định anh Hoàng Văn L và chị La Thị H không đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim B, anh L và chị H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997, anh L và chị H không còn chung sống với nhau từ khoảng năm 2020 đến nay; về con chung: Anh L và chị H có 02 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 23/9/1998 và Nguyễn Thị P, sinh ngày 28/9/2001.

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với chị La Thị H. Bị đơn chị La Thị H vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H đề nghị Toà án giải quyết không công nhận chị và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” của anh Nguyễn Văn L: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn L và chị La Thị H; về con chung: Các con chung của anh Nguyễn Văn L và chị La Thị H là Nguyễn Văn L, sinh ngày 23/9/1998 và Nguyễn Thị P, sinh ngày 28/9/2001 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, nhận thức bình thường, anh L và chị H không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết; về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn L và chị La Thị H xác định tự thỏa thuận, nên không đề nghị xem xét giải quyết; về vay nợ chung: Không có, nên không đề nghị xem xét giải quyết; về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị La Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn Đèo N, xã Kim B, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị La Thị H cùng trình bày việc chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã xác minh tại UBND xã nơi anh L và chị H sinh sống, xác định không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa anh L và chị H. Như vậy, anh Nguyễn Văn L và chị La Thị H chung sống như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Mọi quan hệ của anh L và chị H không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Anh L yêu cầu không công nhận anh L và chị H là vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 9 ; Điều 14 ; khoản 2 Điều 53 ; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn L và chị La Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn L và chị La Thị H có 02 người con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 23/9/1998 và Nguyễn Thị P, sinh ngày 28/9/2001, con chung đều trên 18 tuổi. Anh L và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn L và chị La Thị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị La Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị La Thị H không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:* Các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn L. Không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn L và chị La Thị H là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2021/0006026 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Kim Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Thị Thu Lý Văn Tòng

Hoàng Mạnh Tuấn